

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2017/KDTM-ST**

Ngày: 29/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hòa

2/ Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLST-KDTM ngày 16/6/2017 về tranh chấp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐST-KDTM ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Đường V, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông P. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Đ – Chi nhánh S (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017)

2. Bị đơn: Ông Lý T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/5/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) yêu cầu ông Lý T trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 09/5/2017 là 26.854.167 đồng, vì vào ngày 15/9/2015 ông T có ký kết hợp đồng tín dụng số 160/2015/7565952/HĐTD với Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn để sửa chữa, mua bán điện thoại. Thời hạn vay 11 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng đến ngày 15/8/2016 ông T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi trả hàng quý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền và

có trả lãi cho Ngân hàng được 3.750.000 đồng vào ngày 15/12/2015. Hiện ông T còn nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 35.791.667 đồng, trong đó: lãi trong hạn 27.250.000 đồng; lãi quá hạn 8.541.667 đồng, có thể chấp tài sản khi vay là quyền sử dụng đất số AM 787684 do UBND huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2008, thửa đất số 2127, tờ bản đồ số 3, diện tích 180m², loại đất thổ cư, vật kiến trúc gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, tọa lạc ấp Đ, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng thế chấp số 182/2015/7565952/HĐBĐ ngày 15/9/2015 giữa Ngân hàng với ông T.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T trả tiền vốn gốc và lãi, tổng cộng 185.791.667 đồng. Trong trường hợp ông T không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lý T, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lý T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 160/2015/7565952/HĐTD ngày 15/9/2015 giữa Ngân hàng với ông Lý T xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 16/9/2015, Ông T đã nhận đủ số vốn vay 150.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng 03 tháng/lần và trả vốn một lần khi hết hạn hợp đồng, nhưng sau khi vay ông T trả lãi được 01 lần vào ngày 15/12/2015 với số tiền 3.750.000 đồng thì ngưng không thực hiện trả lãi và vốn cho đến nay. Xét thấy, ông T thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm khoản 5 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ và

đề nghị xử lý tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại Tòa, ông P là người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 185.791.667 đồng (trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.250.000 đồng và lãi quá hạn 8.541.667 đồng) và lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số nợ gốc. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi 185.791.667 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 15/9/2015, ông T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất số AM 787684 do UBND huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2008, thửa đất số 2127, tờ bản đồ số 3, diện tích 180m², loại đất thổ cư, tọa lạc ấp Đ, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng đứng tên ông Lý T, theo Hợp đồng thế chấp số 182/2015/7565952/HĐBĐ. Xét thấy, về hình thức và nội dung Hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 342, 343, 344, 715, 716, 717 và 719 của Bộ luật dân sự năm 2005, có đăng ký đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu như ông T không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Tòa Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay; Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 182/2015/7565952/HĐBĐ ngày 15/9/2015) để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 355, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về chi phí thẩm định: Ông Lý T phải chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 250.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng 250.000 đồng chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

Về án phí: Ông Lý T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều các Điều 342, 343, 344, 355, 715, 716, 717, 719, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ. Buộc ông Lý T trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền vốn, lãi là 185.791.667 đồng (trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.250.000 đồng, lãi quá hạn 8.541.667 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2017 nếu ông Lý T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng Đ, thì ông Lý T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lý T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AM 787684 do UBND huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2008, thửa đất số 2127, tờ bản đồ số 3, diện tích 180m², loại đất thổ cư, tọa lạc ấp Đ, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lý T, theo Hợp đồng thế chấp số 182/2015/7565952 ngày 15/9/2015 để Ngân hàng Đ thu hồi nợ.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Lý T phải chịu 250.000 đồng. Do Ngân hàng Đ đã tạm nộp trước nên ông T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Đ 250.000 đồng chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Lý T phải chịu 9.289.583 đồng. Ngân hàng Đ không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.421.354 đồng, theo biên lai thu số 0006356 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chiêm Ngọc Linh